LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1039/QĐ-LHHVN	*Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

ĐOÀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 121/BT ngày 29/7/1983 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) cho phép Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Liên hiệp Hội Việt Nam) chính thức thành lập và hoạt động;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-TTg ngày 21/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Điều lệ Liên hiệp Hội Việt Nam;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng (được sửa đổi, bổ sung năm 2013); Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức và Chính sách hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng của Liên hiệp Hội Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 681/QĐ-LHHVN ngày 11/11/2011 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp Hội Việt Nam ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng của Liên hiệp Hội Việt Nam.

Điều 3. Trưởng Ban Tổ chức và Chính sách hội, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, lãnh đạo các đơn vị thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam, các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG
CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG

Phan Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực ĐCT LHHVN;
- Hội đồng TĐKT LHHVN;
- Lưu: VT, TCCSH.

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG

QUY CHẾ
Thi đua, khen thưởng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-LHHVN ngày 03/12/2021 của Đoàn Chủ tịch HĐTW Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (sau đây gọi là Liên hiệp Hội Việt Nam), bao gồm: nguyên tắc khen thưởng; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua; hình thức và tiêu chuẩn khen thưởng; trình tự, thẩm quyền và hồ sơ đề nghị xét, tặng; hội đồng sáng kiến và quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên (gọi tắt là cá nhân) và các tập thể thuộc hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam; các tập thể, cá nhân trong và ngoài nước do các đơn vị thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam đề xuất.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Liên hiệp Hội Việt Nam bao gồm: Hội thành viên, Cơ quan Trung ương Liên hiệp Hội Việt Nam và đơn vị thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam.

2. Hội thành viên bao gồm: Hội ngành toàn quốc, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Đơn vị thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam bao gồm: Quỹ Hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC), Nhà xuất bản Tri thức, Báo Tri thức và Cuộc sống, tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 10 Luật Thi đua, khen thưởng; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Đối với cá nhân, trong một năm chỉ xét tặng Bằng khen của Liên hiệp Hội Việt Nam hoặc danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam một lần (trừ khen thưởng đột xuất).

3. Đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, khi xét khen thưởng thường xuyên sẽ căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

4. Cá nhân được đề nghị xét, công nhận từ danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Giấy khen trở lên phải được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Một hình thức khen thưởng có thể được tặng nhiều lần cho một đối tượng với các thành tích khác nhau. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một đối tượng với cùng một thành tích đạt được.

6. Số lượng Cờ thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam do Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam quyết định.

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua, khen thưởng

1. Hình thức tổ chức thi đua

Hình thức tổ chức thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hình thức khen thưởng

a) *Khen thưởng thường xuyên (hàng năm)*: Kết thúc một năm công tác, cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc trong năm được cơ quan, đơn vị lựa chọn, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

b) *Khen thưởng đột xuất*: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có tác dụng nêu gương trong phạm vi cơ quan, đơn vị hoặc trong toàn hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam sẽ được cơ quan, đơn vị khen thưởng hoặc đề nghị Liên hiệp Hội Việt Nam khen thưởng.

c) *Khen thưởng theo giai đoạn*: Áp dụng khi cơ quan, đơn vị tổ chức đại hội nhiệm kỳ hoặc kỷ niệm ngày thành lập (5, 10, 15... năm), phát động đợt thi đua theo chuyên đề.

Điều 7. Trách nhiệm

1. Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trên mọi lĩnh vực do Liên hiệp Hội Việt Nam quản lý. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam có trách nhiệm tham mưu, giúp Đoàn Chủ tịch các nội dung thi đua và tổ chức phong trào thi đua.

2. Các tổ chức đoàn thể của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khi phát động, tổ chức phong trào và bình xét thi đua để đảm bảo cho phong trào thi đua đạt hiệu quả cao.

3. Các cơ quan báo chí thuộc hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, cổ động các phong trào thi đua.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Hằng năm các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức phong trào thi đua, cụ thể như sau:

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; xây dựng các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị và có tính khả thi cao.

2. Có hình thức tổ chức, phát động thi đua phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của từng cá nhân, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua, chống biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Có kế hoạch triển khai các biện pháp tổ chức, vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm làm tốt cho các đối tượng tham gia thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua

Đối với các đợt thi đua dài ngày (thời gian từ 1 năm trở lên), các đơn vị phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc các đợt thi đua ngắn ngày (thời gian dưới 1 năm) hoặc từng đợt phải tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả; lựa chọn công khai những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, bao gồm:

a) Lao động tiên tiến;

b) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

c) Chiến sĩ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam (tương đương cấp Bộ);

d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

đ) Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, bao gồm:

a) Tập thể lao động tiên tiến;

b) Tập thể lao động xuất sắc;

c) Cờ thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam (tương đương cấp Bộ);

d) Cờ thi đua của Chính phủ.

Mục 3

TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 10. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Thời gian:

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

c) Thời gian nghỉ thai sản theo, quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

d) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

đ) Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" xét một lần/năm vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị.

2. Cá nhân được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" là cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ; có sáng kiến được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận.

Tỷ lệ danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" căn cứ kết quả đạt được hàng năm của cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định cho phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị, nhưng không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên

tiến". Đối với đơn vị dưới 7 người, số người được xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" là 01 người.

Điều 12. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" ngay trước thời điểm đề nghị.

2. Có sáng kiến hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp Liên hiệp Hội Việt Nam (tương đương cấp Bộ) trở lên, được Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam công nhận (trên cơ sở được Hội đồng sáng kiến cấp Liên hiệp Hội Việt Nam xác nhận việc áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài, dự án).

Điều 13. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được thực hiện theo quy định tài Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" xét một lần/năm vào dịp tổng kết năm công tác và được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;

2. Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua;

3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đúng các quy định của Liên hiệp Hội Việt Nam, của địa phương và của cơ quan, đơn vị.

Điều 15. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" xét một lần/năm vào dịp tổng kết năm công tác và được xét tặng cho tập thể (cơ quan, đơn vị thuộc hội thành viên và tổ chức trực thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam và đơn vị thuộc Cơ quan Liên hiệp Hội Việt Nam) đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Được công nhận tập thể lao động tiên tiến;

2. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao; trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

4. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đúng các quy định của Liên hiệp Hội Việt Nam, của địa phương và của cơ quan, đơn vị.

Điều 16. Danh hiệu "Cờ thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam"

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam" được xét, tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu cụm/khối thi đua;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các cơ quan, đơn vị khác trong hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam học tập;

c) Được cụm/khối thi đua bình chọn, suy tôn vào dịp tổng kết công tác thi đua hàng năm.

2. Danh hiệu "Cờ thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam" được xét, tặng cho tập thể trực thuộc các hội thành viên của Liên hiệp Hội Việt Nam (không bình xét qua cụm/khối thi đua), đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc";

b) Có tập thể hoặc cá nhân điển hình tiên tiến để các đơn vị khác học tập;

c) Có ý kiến đề nghị bằng văn bản của hội thành viên Liên hiệp Hội Việt Nam và được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam xét và đề nghị.

Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam quy định về cụm/khối thi đua, số lượng, tỷ lệ tặng Cờ thi đua đối với các cụm/khối thi đua của hội thành viên và quy định số lượng Cờ thi đua đối với các tổ chức trực thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam.

Điều 17. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" được áp dụng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 18. Đăng ký danh hiệu thi đua

1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải tổ chức cho cá nhân, tập thể trong cơ quan, đơn vị đăng ký thi đua và đăng ký các danh hiệu thi đua trong năm để phấn đấu.

2. Các cơ quan, đơn vị gửi bản đăng ký thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam chậm nhất vào ngày 20 tháng 02 hằng năm để theo dõi và làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua.

Chương III

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tuyến trình khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Các Hội ngành toàn quốc, tổ chức và KH&CN và đơn vị thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam, Cơ quan Trung ương Liên hiệp Hội Việt Nam trình khen thưởng cấp Nhà nước thông qua Liên hiệp Hội Việt Nam.

b) Các Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình khen thưởng cấp Nhà nước thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

c) Một số trường hợp đặc biệt do Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam xem xét, báo cáo, phối hợp với Ban Thi đua, khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ quyết định trình khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 20. Hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng của Liên hiệp Hội Việt Nam

1. Bằng khen của Liên hiệp Hội Việt Nam được xét tặng thường xuyên hằng năm cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Liên hiệp Hội Việt Nam và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 2 năm liên tục (hoặc 5 năm 3 lần) được tặng giấy khen của cơ quan, đơn vị; hoặc 1 giấy khen và 1 danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam;

c) Lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch cá nhân phải đảm nhận).

2. Bằng khen của Liên hiệp Hội Việt Nam được xét tặng cho tập thể (có thời gian hoạt động tối thiểu 03 năm kể từ khi thành lập) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Liên hiệp Hội Việt Nam và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, triển khai tốt các phong trào thi đua;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam;

c) Lập được thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch cá nhân phải đảm nhận).

3. Bằng khen của Liên hiệp Hội Việt Nam được xét, tặng cho tập thể, cá nhân có quá trình đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống của cơ quan, đơn vị; tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn, có thành tích trong công tác tổ chức hoặc đạt các giải thưởng tại Giải thưởng, Hội thi, Cuộc thi do các Hội ngành toàn quốc, các tổ chức trực thuộc Liên hiệp HỘi Việt Nam làm đầu mối chủ trì tổ chức có thành tích trong việc thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu cấp tỉnh, thành phố trở lên đạt kết quả xuất sắc và mang lại hiệu quả lớn được cấp có thẩm quyền xác nhận.

4. Các trường hợp đặc biệt do Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam xem xét, quyết định.

Điều 21. Giấy khen của cơ quan, đơn vị trực thuộc

1. Giấy khen tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị trực thuộc;

b) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

c) Lập được thành tích đột xuất (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch cá nhân phải đảm nhận).

2. Giấy khen tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

c) Lập được thành tích đột xuất (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch cơ quan, đơn vị phải đảm nhận).

Chương IV
TRÌNH TỰ, THẨM QUYỀN VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT, TẶNG

Mục 1
TRÌNH TỰ, THẨM QUYỀN, TRAO TẶNG

Điều 22. Trình tự

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam căn cứ nội dung Quy chế này quy định tiêu chí xét khen thưởng theo thẩm quyền đối với các cá nhân, tập thể đơn vị trực thuộc.

2. Việc xem xét, đánh giá thống nhất các danh hiệu thi đua và mức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị xem xét, đề nghị. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng.

Điều 23. Thẩm quyền

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong hệ thống Liên hiệp Hội Việt Nam

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam quyết định tặng:

a) Danh hiệu "Lao động tiên tiến";

b) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

c) Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến";

d) Giấy khen đối với các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị.

2. Liên hiệp Hội Việt Nam quyết định tặng:

a) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam";

b) Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc";

c) Danh hiệu "Cờ thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam";

d) Bằng khen của Liên hiệp Hội Việt Nam;

đ) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật" (có quy định riêng).

3. Trình khen thưởng Nhà nước

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức khen thưởng của Nhà nước theo quy định, cụ thể:

a) Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới;

b) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc";

c) Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ";

d) Huân chương các loại;

đ) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

e) Trình khen thưởng đột xuất; cá nhân có thành tích và quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Đối với các trường hợp đặc biệt, căn cứ ý kiến đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam sẽ xem xét, quyết định.

Điều 24. Trao tặng

1. Cấp nào quyết định khen thưởng thì lãnh đạo cấp đó trực tiếp trao tặng hoặc uỷ quyền cho lãnh đạo cấp dưới trao tặng.

2. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua.

3. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, vào sổ khen thưởng và gửi quyết định, hiện vật khen thưởng về nơi được khen thưởng.

Mục 2

THỦ TỤC, HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 25. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 48, 49, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Liên hiệp Hội Việt Nam

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng năm cấp Liên hiệp Hội Việt Nam

a) Tờ trình đề nghị xét danh hiệu thi đua/tặng hình thức khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích có xác nhận của cơ quan, đơn vị trình;

c) Biên bản họp, kết quả bình xét của cơ quan, đơn vị trong cụm/khối thi đua (đối với trường hợp đề nghị xét tặng hằng năm theo cụm/khối thi đua);

d) Biên bản họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị;

đ) Trường hợp xét khen thưởng thành tích về sáng kiến, phát minh, sáng chế thì phải có quyết định hoặc bằng công nhận do cơ quan thẩm quyền cấp gửi kèm theo hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất cấp Liên hiệp Hội Việt Nam

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (nêu rõ mức độ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích đã lập được);

b) Bản tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng có xác nhận, ký tên đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

c) Biên bản họp và kết quả bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

Điều 27. Thời gian tiếp nhận, giải quyết hồ sơ khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên

a) Liên hiệp Hội Việt Nam sẽ giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

b) Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam", "Cờ thi đua của Liên hiệp Hội Việt Nam", phải gửi về Liên hiệp Hội Việt Nam vào dịp tổng kết công tác năm của cơ quan, đơn vị, chậm nhất là ngày 15/2 của năm sau liền kề với năm đề nghị khen thưởng.

c) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam". Hồ sơ gửi đến Liên hiệp Hội Việt Nam chậm nhất ngày 15/8 hàng năm.

d) Hồ sơ đề nghị xét tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" gửi đến Liên hiệp Hội Việt Nam trước ngày 15/3 hàng năm.

đ) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động" phải gửi đến Liên hiệp Hội Việt Nam chậm nhất ngày 15/12 của năm liền trước năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

e) Hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen phải gửi về Liên hiệp Hội Việt Nam trước ngày Đại hội nhiệm kỳ, kỷ niệm ngày thành lập hoặc tổng kết công tác năm của cơ quan, đơn vị 30 ngày.

g) Hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, phải gửi về Liên hiệp Hội Việt Nam trước ngày đại hội hoặc ngày kỷ niệm thành lập của cơ quan, đơn vị là 90 ngày.

2. Khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt (theo chuyên đề)

Các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt ngay khi lập được thành tích đột xuất và ngay sau khi kết thúc chuyên đề công tác.

3. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng:

a) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Tổ chức và Chính sách hội thông báo kết quả khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị trình khen thưởng;

b) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị trình khen thưởng thông báo và gửi kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng;

c) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ban Tổ chức và Chính sách hội thông báo cho cơ quan, đơn vị trình khen thưởng.

Chương V
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 28. Thẩm quyền quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp Liên hiệp Hội Việt Nam.

Hội đồng sáng kiến cấp Liên hiệp Hội Việt Nam có nhiệm vụ giúp Thường trực Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam xác nhận sáng kiến, đề tài, đề án khoa học được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Liên hiệp Hội Việt Nam" trở lên.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ: Xác nhận sáng kiến được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua và các hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 29. Phương thức hoạt động, quyền hạn của Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số (quá bán). Thành viên trong Hội đồng là người có quyền tham gia biểu quyết; hình thức biểu quyết do các thành viên Hội đồng quyết định.

2. Phương thức hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng sáng kiến cấp Liên hiệp Hội Việt Nam thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng do Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam quy định.

3. Phương thức hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc quy định.

Chương VI
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 30. Chức năng, nhiệm vụ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam do Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam quyết định thành lập. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của hội thành viên, tổ chức thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định thành lập.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền; Kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

b) Tổ chức xét duyệt và đề nghị Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam/Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

c) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn.

d) Tiếp nhận và giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng, kiến nghị với Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam hình thức xử lý theo quy định.

Chương VIII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nguồn quỹ, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 64, 65, 66 và 67 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng; quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị. Trường hợp thay đổi thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 32. Mức thưởng và chế độ ưu đãi thực hiện theo Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73 74 và 75 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng và tổ chức thực hiện

1. Quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng

a) Tại Liên hiệp Hội Việt Nam: Ban Tổ chức và Chính sách hội có trách nhiệm quản lý hồ sơ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam và toàn bộ hồ sơ khác liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của Liên hiệp Hội Việt Nam theo quy định. Cuối năm lựa chọn những hồ sơ cần thiết làm thủ tục gửi lưu trữ theo quy định.

b) Tại các hội thành viên, Cơ quan Liên hiệp Hội Việt Nam và tổ chức thuộc Liên hiệp Hội Việt Nam: Thực hiện việc quản lý, lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam, Ban Tổ chức và Chính sách hội có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện Quy chế này.

3. Hàng năm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam, Ban Tổ chức và Chính sách hội có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động thi đua, khen thưởng để tổng hợp vào dự toán ngân sách năm kế hoạch của Liên hiệp Hội Việt Nam.

4. Ban Thường vụ các hội thành viên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này; phối hợp thẩm định, rà soát, đối chiếu, xác nhận hồ sơ

khen thưởng của tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị quản lý bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Liên hiệp Hội Việt Nam để trình Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 9 chương, 34 điều, có hiệu lực kể từ ngày Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam ký quyết định ban hành và thay thế Quy chế thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 681/QĐ-LHH ngày 11/11/2011 của Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Hội Việt Nam./.